

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 737/2017/HSPT

Ngày: 24/10/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu;

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;

Ông Bùi Thế Linh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 471/2017/TLPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Dương Văn M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

Dương Văn M, sinh năm 1975; nơi ĐKKHKT: Số nhà 311 đường HHT, phường ĐM, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Số 5/22B khu phố TA, phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; văn hóa: Lớp 8/12; con ông Dương Minh L và bà Lê Thị L; có vợ và có 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/8/2016; có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại có kháng cáo:***

- Ông Giáp Lê Q; trú tại: Số 248 đường HHT, phường ĐM, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang; có mặt tại phiên tòa.

- Chị Lương Thị M1; trú tại: Số nhà 319 đường HHT, phường ĐM, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang; có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Chị Phan Thị Th; nơi ĐKKHKT: nơi ĐKKHKT: Số nhà 311 đường HHT, phường ĐM, thành phố

BG, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở: Số 5/22B khu phố TA, phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2009, Dương Văn M thành lập Công ty TNHH may xuất khẩu số 1 đặt trụ sở tại nhà riêng ở số nhà 311 đường HHT, phường ĐM, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Do không có tiền để sản xuất kinh doanh nên từ tháng 8/2013 đến tháng 11/2013, M vay của 04 người với tổng số tiền là 2.829.170.000 đồng. Tháng 01/2014, do không có khả năng thanh toán nợ nên M đã bán một số máy móc thiết bị của Công ty rồi bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền này, cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt của vợ chồng bà Chu Thị S và ông Giáp Lê Q số tiền 200.000.000 đồng: Dương Văn M và bà Chu Thị S gần nhà nhau. Ngày 30/6/2013, M cùng vợ là Phan Thị Th sang nhà bà S chơi, M đặt vấn đề vay tiền để mua máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, khi nào bà S cần thì báo trước 30 ngày, M sẽ hoàn trả lại tiền. Do tin tưởng nên bà S cho M vay 130.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng. M đã viết giấy nợ và bảo vợ là Phan Thị Th cùng ký rồi giao cho bà S. Sau đó cùng ngày M lại sang vay thêm bà S 70.000.000 đồng để sử dụng vào việc mua máy móc, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng. M đã bảo Phan Thị Th ký vào giấy nhận nợ rồi giao cho bà S. Tháng 8/2013, M đã trả cho bà S tổng số tiền lãi là 6.000.000 đồng. Ngày 20/5/2014, bà S đến nhà M yêu cầu trả tiền thì phát hiện M bỏ trốn nên làm đơn trình báo. Bà S yêu cầu bồi thường 200.000.000 đồng.

2. Chiếm đoạt của vợ chồng chị Nguyễn Hoài T và anh Nguyễn Trường D số tiền 1.463.00.000 đồng: Chị Nguyễn Hoài T làm kế toán của Công ty TNHH may xuất khẩu số 1 của M. Tháng 4/2013, M đặt vấn đề với chị T vay tiền để trả nợ ngân hàng, trả lương công nhân và kinh doanh. Do tin tưởng nên chị T và chồng là Nguyễn Trường D đã nhiều lần cho M vay tiền, mỗi lần vay từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận từ 1.000đ đến 2.000đ/1 triệu/1 ngày. Ngày 20/8/2013, M đã vay của chị T tổng số tiền 980.000.000 đồng, thời gian vay 60 ngày. M giao cho chị T giữ giấy biên nhận. Ngày 10/10/2013, M vay chị T 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày. M viết giấy nhận nợ và giao cho chị T.

Tổng số tiền M vay của chị T là 1.480.000.000 đồng, M đã trả cho chị T 17.000.000 đồng tiền gốc. Chị T yêu cầu M bồi thường 1.463.000.000 đồng.

3. Chiếm đoạt của vợ chồng anh Trần Thế H1, chị Lương Thị M1 số tiền 800.000.000 đồng: Vợ chồng anh H1 cho M vay tiền 3 lần, lần 1 ngày 21/10/2013 anh H1 cho M vay 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2.000đ/1triệu/1ngày, mục đích vay để trả lương công nhân, hẹn đến ngày 06/11/2013 thì trả; hai bên có viết giấy biên nhận nợ. Lần hai ngày 07/11/2013, anh H1 cho M vay 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1.500đ/1 triệu/1 ngày, thời hạn vay là 120 ngày, mục đích vay mở xưởng sản xuất; hai bên có viết giấy nhận nợ. Lần 3 là ngày 10/11/2013 anh H1 cho M vay 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1.500đ/1 triệu/1 ngày, hẹn 15 ngày sau trả, mục đích vay để mua nhà ở và sản xuất; hai bên có viết giấy biên nhận nợ.

Đầu năm 2014, M đã trả anh H1 30.000.000 đồng tiền lãi. Anh H1 yêu cầu M bồi thường 800.000.000 đồng.

4. Chiếm đoạt của anh Cao Thanh H2 số tiền 366.170.000 đồng: Anh Cao Thanh H2 là cán bộ tín dụng của Ngân hàng Ocean Bank Chi nhánh thành phố Bắc Giang. Do M đã nhiều lần vay tiền của ngân hàng nên quen biết anh H2. Ngày 10/10/2013, M vay anh H2 430.000.000 đồng, M nói để trả nợ ngân hàng. M viết giấy vay tiền, thỏa thuận lãi suất 1.500đ/1 triệu/1 ngày và hẹn đến ngày 20/10/2013 sẽ trả. Đến hạn thanh toán, anh H2 đòi nhiều lần nhưng M không có tiền trả. Đến ngày 13/01/2014 anh H2 cùng M đến Văn phòng công chứng Thiên Long làm lại hợp đồng vay tiền trước đây. Theo đó, M vay anh H2 430.000.000 đồng, kỳ hạn vay từ ngày 10/10/2013 đến ngày 23/01/2014. Hai bên hủy hợp đồng trước đó. Anh H2 đòi nhiều lần thì M trả được tổng số tiền 63.830.000.000 đồng. Anh H2 yêu cầu M bồi thường 366.170.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên các hợp đồng vay tiền, giấy nhận nợ do những người bị hại giao nộp lại chữ viết, chữ ký của Dương Văn M và Phan Thị Th.

Kết luận giám định số 989/KL-PC54 ngày 30/9/2014 và Kết luận giám định bổ sung số 1058/KL-PC54 ngày 20/9/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Chữ ký, chữ viết đứng tên Dương Văn M trên các tài liệu cần giám định với chữ ký, chữ viết của Dương Văn M trên các tài liệu mẫu so sánh là của cùng một người;

- Chữ viết, chữ ký trên các tài liệu cần giám định ký hiệu (trừ chữ viết “Th- Phan Thị Th” dưới mục “Người vay ký” và mục “vợ” so với chữ viết, chữ ký của Dương Văn M trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết, ký ra.

- Chữ viết “Th - Phan Thị Th” dưới mục “Người vay ký” và mục “vợ” trên các tài liệu cần giám định so với chữ viết của Phan Thị Th trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, Dương Văn M khai đã sử dụng tiền vay của những người nêu trên để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trả nợ ngân hàng, trả lương cho công nhân. Tháng 5/2014, do không có khả năng thanh toán nên M đã trốn vào tỉnh Đắk Nông sau đó tiếp tục trốn vào thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương để trốn tránh việc trả nợ và chiếm đoạt số tiền đã vay. Ngày 10/8/2016, M bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 18/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 144 của Quốc hội; xử phạt bị cáo Dương Văn M 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; buộc bị cáo Dương Văn M phải bồi thường cho: Vợ chồng bà Chu Thị S, ông Giáp Lê Q số tiền 200.000.000 đồng; vợ chồng chị Nguyễn Hoài T, anh Nguyễn Trường D số tiền 1.463.000.000 đồng; vợ chồng anh Trần Thế H1, chị Lương Thị M1 số tiền 800.000.000 đồng; anh Cao Thanh H2 số tiền 366.170.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 3/7/2017, ông Giáp Lê Q, bà Lương Thị M1 kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự đề nghị buộc vợ bị cáo phải có trách nhiệm cùng bị cáo trả số tiền đã chiếm đoạt; ông Q kháng cáo bổ sung xin giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Văn M khai nhận hành vi phạm tội đúng như nhận định và kết luận của Tòa án cấp sơ thẩm; chị Phan Thị Th là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án xin được vắng mặt và tự nguyện cùng bị cáo Dương Văn M có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại; các bị hại ông Giáp Lê Q, bà Lương Thị M1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm dân sự và bổ sung phải xử lý về hình sự đối với chị Phan Thị Th vì chính chị Th là người hỏi vay tiền của các ông, bà.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tham gia thẩm vấn, xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Lời khai của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra thể hiện bị cáo đã vay tiền của bốn người bị hại rồi bỏ trốn khỏi nơi cư trú để chiếm đoạt với tổng số tiền 2.829.170.000 đồng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Dương Văn M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Xét đơn kháng cáo của ông Q, bà M1: Căn cứ đơn xin xét xử vắng mặt của chị Phan Thị Th có nguyện vọng cùng chồng trả tiền cho các bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị Th về vấn đề này.

Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, không xuất hiện tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo. Yêu cầu của ông Q, bà M1 phải xử lý hình sự đối với chị Th thấy rằng cơ quan điều tra đã có thông báo về kết quả điều tra các ông bà đều không có khiếu nại. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xét xử nhưng các ông, bà cũng không có yêu cầu. Nếu ông Q, bà M1 có căn cứ chị Th đồng phạm với Dương Văn M thì đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo; người bị hại; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử có những nhận định sau đây:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Văn M khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với vật chứng cơ quan điều tra đã thu được, kết luận giám định cùng toàn bộ những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Do cần vốn trong kinh doanh, Dương Văn M đã lợi dụng mối quan hệ xã hội, sự tin tưởng của những bị hại để vay tiền của họ với tổng số tiền là 2.829.170.000 đồng. Khi mất khả năng thanh toán, bị cáo đã bỏ trốn để chiếm đoạt toàn bộ số tài sản, tiền đã vay của những người bị hại. Hành vi đó của bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng thừa nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo là đúng người, đúng tội và bị cáo chấp nhận bản án sơ thẩm, không kháng cáo.

[2] Bị cáo Dương Văn M là người có đủ năng lực nhận thức, hiểu rất rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nhưng bị cáo bất chấp chỉ trong một thời gian ngắn, để thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt 2.829.170.000 đồng của 4 gia đình người bị hại. Bị cáo đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú, gây khó khăn cho công tác điều tra cũng như gây hoang mang lo lắng cho các bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của những người bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo cần thiết phải bị xử nghiêm để vừa có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo, vừa có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng là tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; ăn năn hối cải; bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Mức án 15 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm ấn định cho bị cáo là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bị hại Giáp Lê Q xin giảm hình phạt cho bị cáo Dương Văn M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngoài những tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên, trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con nhỏ, bị cáo là lao động chính; tại phiên tòa vợ bị cáo là chị Phan Thị Th đã thấy được trách nhiệm trong việc cùng chồng thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với các bị hại; bản thân ông Q là người bị hại cũng đã kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo điều đó thể hiện sự vị tha đối với bị cáo và đây cũng là tình tiết mới theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Hơn nữa, Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về hình phạt đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” mức cao nhất chỉ là 20 năm tù. Do đó, có thể xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo thành người có ích, sớm có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng, khắc phục hậu quả cho những người bị hại.

[4] Xét kháng cáo của ông Giáp Văn Q, bà Lương Thị M1 về việc buộc vợ bị cáo là chị Phan Thị Th phải có trách nhiệm cùng bị cáo bồi thường dân sự cho các bị hại, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu kháng cáo này là có căn cứ: Thứ nhất, tại các giấy nhận nợ, chị Th đều cùng Dương Văn M ký nhận. Tuy không sử dụng số tiền này với bị cáo M nhưng chị Th vẫn phải chịu trách nhiệm dân sự đối với chữ ký của mình. Thứ hai, tại cơ quan điều tra cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Th đề nghị được cùng Dương Văn M có trách nhiệm liên đới bồi thường dân sự cho những người bị hại. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của chị Phan Thị Th.

[5] Đối với kháng cáo bổ sung của ông Giáp Văn Q, bà Lương Thị M1 tại phiên tòa đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của chị Phan Thị Th, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của bị cáo, người bị hại và chị Phan Thị Th và kết luận không có căn cứ để xác định chị Th bỏ trốn để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên cơ quan điều tra đã không đề cập xử lý về hình sự đối với chị Th. Nếu các bị hại có căn cứ để yêu cầu xử lý chị Th về hình sự thì tiếp tục đề nghị cơ quan điều tra làm rõ.

Từ nhận định trên, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Giáp Lê Q, Lương Thị M1, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo **Dương Văn M** 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/8/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; chấp nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Th liên đới cùng bị cáo Dương Văn M bồi thường cho:

Vợ chồng bà Chu Thị S, ông Giáp Lê Q số tiền 200.000.000 đồng; vợ chồng chị Nguyễn Hoài T, anh Nguyễn Trường D số tiền 1.463.000.000 đồng; vợ chồng anh Trần Thế H1, chị Lương Thị M1 số tiền 800.000.000 đồng; anh Cao Thanh H2 số tiền 366.170.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền trên thì hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[2]. Ông Giáp Lê Q, bà Lương Thị M1 không phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm được nhận lại 200.000 đồng dự phí đã nộp thể hiện tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2010/000082 và số AA/2010/000083 ngày 03/7/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo (qua trại);
- Người bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHC-TP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thu